

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS- ST

Ngày: 17/4/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 17/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST- DS, ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST – DS ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1980

Nơi đăng ký HKTT: Tổ D, khu P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: D11, tổ I, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn:

- Bà Trịnh Thị U, sinh năm 1970

- Ông Bùi Văn H

- Chị Nguyễn Thị Phương Linh

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L; Vắng mặt chị Phạm Thị N; ông Bùi Văn H và bà Trịnh Thị U (Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H và bà U vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:

Bà và gia đình bà U có mối quan hệ anh em họ với nhau. Trước đây, do cần tiền nên gia đình bà U có vay của chị nhiều lần tiền. Đến ngày 07/9/2022 gia đình bà U gồm có bà Trịnh Thị U, chồng là Bùi Văn H và các con là Bùi Văn T và Nguyễn Thị Phương L có viết giấy mượn tiền của bà với tổng số tiền là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 12/9/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Đến ngày 18/11/2022 anh T tiếp tục vay của chị số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay nợ như bà U trình bày là để đảo sổ ngân hàng và cho con trai là Bùi Văn T mở cửa hàng điện thoại. Đến hạn trả nợ bà N đã nhiều lần yêu cầu bà U, ông H, anh T và chị L phải thanh toán nợ cho bà, tuy nhiên gia đình bà U mới trả được cho bà số tiền 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng) và anh T trả số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà đã đòi gia đình bà U rất nhiều lần nhưng bà U, ông H, anh T và chị L vẫn cố tình không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị U, ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 155.000.000 đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày quá hạn trả nợ là ngày 13/9/2022 cho đến khi trả nợ xong với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trịnh Thị U và anh Bùi Văn T trình bày:

Bà U và anh T thừa nhận gia đình bà và anh T có vay của bà Phạm Thị N nhiều lần tiền như bà N trình bày. Đến nay còn nợ lại số tiền gốc là 155.000.000 đồng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả được cho bà N. Đến nay bà U và anh T đề nghị xin được miễn tiền lãi suất còn tiền nợ gốc đề nghị sẽ trả cho bà N vào tháng 03/2023.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của tòa án cho ông Bùi Văn U1 và chị Nguyễn Thị Phương L, tuy nhiên ông U1 và chị L không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa anh T và chị L có ý kiến gia đình anh, chị còn nợ của bà N số tiền gốc là 155.000.000 đồng tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên không trả ngay cho bà N được. Đề nghị bà N cho thêm thời gian để gia đình trả nợ cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà N với bà U1, ông H, anh T và chị L đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do bà U1, ông H, anh T và chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản

3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà U'1, ông H, anh T, chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Ông H và bà U'1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt bà N, bà U'1 và ông H.

[2]. Việc bà Trịnh Thị U', ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Phương L vay tiền của bà Phạm Thị N, tổng số tiền là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà chị N giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, ngày trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là bà Trịnh Thị U', ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Phương L. Việc này, bản thân bà U' và anh T, chị L cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau, thời hạn trả nợ của khoản vay là vào ngày 12/9/2022. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết bà U', ông H, anh T và chị L mới trả được 120.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại số tiền gốc là 155.000.000 đồng, chị N khởi kiện yêu cầu bà U', ông H, anh T và chị L phải trả số tiền gốc còn lại là 155.000.000đ. Yêu cầu của chị N là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị N. Buộc bà Trịnh Thị U', ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải có trách nhiệm trả cho chị N tổng số tiền gốc 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

[4]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày quá hạn: Bà N yêu cầu bà U', ông H, anh T và chị L phải trả tiền lãi suất với mức lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền nợ gốc tính từ ngày tiếp theo ngày hết hạn trả nợ. Anh T, chị L và bà U' đề nghị được miễn tiền lãi. Hợp đồng vay tài sản giữa bà N với bà U', ông H, anh T, chị L là hợp đồng có thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn trả nợ là ngày 12/9/2022, do đó bà U', ông H, anh T và chị L phải chịu lãi suất với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự từ ngày tiếp theo ngày hết hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm. Thời gian từ ngày 13/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/4/2023 là 07 tháng 04 ngày. Số tiền lãi bà U', ông H, anh T và chị L phải trả cho bà N là: $155.000.000 \text{ đ} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 9.210.203 \text{ đồng}$ (Làm tròn số là 9.210.200 đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà N được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bà U', ông H, anh T và chị L phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Trịnh Thị U', ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải trả cho bà Phạm Thị N tổng số tiền 164.210.200 đồng (Một trăm sáu mươi tư triệu hai trăm mười nghìn hai trăm đồng) trong đó: T1 nợ gốc là 155.000.000 đồng; tiền lãi phải trả là 9.210.200 đồng.

Kể từ khi bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà Trịnh Thị U', ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị U', ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 8.210.500đ (Tám triệu hai trăm mười nghìn năm trăm đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho bà Phạm Thị N số tiền là 3.987.000đ (Ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007896 ngày 07/12/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Phương L, vắng mặt bà Phạm Thị N, ông Bùi Văn H, bà Trịnh Thị U'. Anh T và chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N, ông H, bà U' có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

